

## LUẬT QUY HOẠCH

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;*

*Quốc hội ban hành Luật Quy hoạch.*

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch; trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quy hoạch* là việc sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ xác định để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định.

2. *Quy hoạch tổng thể quốc gia* là quy hoạch cấp quốc gia, mang tính chiến lược theo hướng phân vùng và liên kết vùng của lãnh thổ bao gồm đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển và vùng trời; hệ thống đô thị và nông thôn; kết cấu hạ tầng; sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

3. *Quy hoạch không gian biển quốc gia* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia về phân vùng chức năng và sắp xếp, phân bố các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh thuộc vùng biển Việt Nam.

4. *Quy hoạch sử dụng đất quốc gia* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia về phân bố và khoanh vùng đất đai cho các ngành, lĩnh vực và các địa phương trên cơ sở tiềm năng đất đai.

5. *Vùng* là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia bao gồm một số tỉnh, thành phố liền kề được hình thành trên cơ sở liên kết về địa lý, kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa và kết cấu hạ tầng.

6. *Quy hoạch vùng* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia đối với vùng về mục tiêu, định hướng phát triển và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị, kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường của vùng, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và liên kết giữa các ngành và các địa phương trên phạm vi lãnh thổ vùng.

7. *Quy hoạch tỉnh* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

8. *Quy hoạch ngành cấp quốc gia* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng theo ngành trên cơ sở kết nối các ngành, các vùng có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học.

9. *Quy hoạch ngành cấp vùng* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng về bố trí hệ thống kết cấu hạ tầng và sử dụng tài nguyên cấp vùng, liên tỉnh.

10. *Quy hoạch ngành cấp tỉnh* là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch ngành cấp trên, quy hoạch tỉnh về phát triển không gian đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hệ thống kết cấu hạ tầng và sử dụng tài nguyên cấp tỉnh, liên xã.

11. *Tích hợp quy hoạch* là phương pháp tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong việc lập quy hoạch trên một phạm vi lãnh thổ xác định nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.

12. *Thời gian lập quy hoạch* là khoảng thời gian tính từ ngày lựa chọn được tổ chức tư vấn lập quy hoạch đến khi trình thẩm định quy hoạch.

13. *Hoạt động quy hoạch* bao gồm việc tổ chức lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch.

14. *Cơ quan lập quy hoạch* là cơ quan, tổ chức được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã giao trách nhiệm lập quy hoạch.

15. *Sơ đồ quy hoạch* là bản vẽ thể hiện nội dung quy hoạch được lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia, đối tượng địa lý quy hoạch thể hiện trên sơ đồ mang tính định hướng sơ bộ về không gian.

16. *Bản đồ quy hoạch* là bản vẽ thể hiện nội dung quy hoạch, được lập trên nền bản đồ địa hình quốc gia, đối tượng địa lý quy hoạch thể hiện trên bản đồ có tính chính xác theo tỷ lệ bản đồ.

17. *Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch* là tập hợp bao gồm phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được thiết lập phục vụ mục đích thu thập, cập nhật, đồng bộ hóa, quản lý, vận hành, kết nối, khai thác, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về quy hoạch trên phạm vi toàn quốc.

18. *Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch* là tập hợp các cơ sở dữ liệu về quy hoạch và thông tin, dữ liệu có liên quan đến quy hoạch được xây dựng, sắp xếp, tổ chức để dễ truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý, cập nhật, duy trì và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử của cơ quan quản lý nhà nước và phục vụ lợi ích công cộng.

19. *Cơ sở dữ liệu về quy hoạch* là tập hợp các dữ liệu của hồ sơ quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt, được xây dựng, sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý, cập nhật, duy trì và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử.

20. *Cơ sở dữ liệu địa lý quy hoạch* là tập hợp có tổ chức các dữ liệu về vị trí địa lý và thuộc tính của đối tượng địa lý thể hiện nội dung cơ bản về quy hoạch được xây dựng trên nền cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia.

#### **Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch**

1. Tuân theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường.

3. Bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch.

4. Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân, trong đó lợi ích quốc gia là cao nhất; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới.

5. Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, dự báo, khả thi, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực của đất nước; bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch, tính bảo tồn.

6. Bảo đảm tính độc lập giữa cơ quan lập quy hoạch với Hội đồng thẩm định quy hoạch.

7. Bảo đảm nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

8. Bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch, phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cơ quan nhà nước.

9. Bảo đảm cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế; xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch.

## **Điều 5. Hệ thống quy hoạch**

1. Quy hoạch cấp quốc gia

- a) Quy hoạch tổng thể quốc gia;
- b) Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy không gian biển quốc gia;
- c) Quy hoạch ngành cấp quốc gia.

2. Quy hoạch cấp vùng

- a) Quy hoạch vùng;

Chính phủ xác định vùng cần lập quy hoạch.

- b) Quy hoạch ngành cấp vùng.

3. Quy hoạch cấp tỉnh

- a) Quy hoạch tỉnh;
- b) Quy hoạch ngành cấp tỉnh.

4. Quy hoạch cấp xã

- a) Quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã;
- b) Quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

5. Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định.

6. Danh mục quy hoạch ngành quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật này.

## **Điều 6. Mối quan hệ giữa các loại quy hoạch**

1. Quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia.

2. Quy hoạch ngành cấp quốc gia phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.

3. Quy hoạch vùng phải phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

4. Quy hoạch ngành cấp vùng phải phù hợp với quy hoạch ngành cấp quốc gia mà quy hoạch đó cụ thể hóa quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật này và quy hoạch vùng.

5. Quy hoạch tỉnh phải phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch cấp vùng.

6. Quy hoạch ngành cấp tỉnh phải phù hợp với quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng mà quy hoạch đó cụ thể hóa quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Luật này và quy hoạch tỉnh.

7. Quy hoạch cấp xã phải phù hợp với quy hoạch cấp tỉnh.

#### **Điều 7. Xử lý trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy hoạch**

1. Trường hợp quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia mâu thuẫn với quy hoạch tổng thể quốc gia thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tổng thể quốc gia.

2. Trường hợp quy hoạch ngành cấp quốc gia mâu thuẫn với quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

3. Trường hợp quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng mâu thuẫn với quy hoạch vùng thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch vùng.

4. Trường hợp quy hoạch ngành cấp quốc gia mâu thuẫn với nhau, quy hoạch ngành cấp vùng mâu thuẫn với nhau thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp các quy hoạch do một cơ quan tổ chức lập thì Bộ trưởng quyết định quy hoạch phải điều chỉnh;

b) Trường hợp các quy hoạch không cùng cơ quan tổ chức lập thì cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ quyết định quy hoạch phải điều chỉnh.

5. Trường hợp quy hoạch ngành cấp tỉnh mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với quy hoạch tỉnh thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tỉnh.

6. Trường hợp quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã mâu thuẫn với quy hoạch sử dụng đất cấp xã thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch tỉnh.

7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều này.

**Điều 8. Quy trình lập, thẩm định, quyết định và phê duyệt quy hoạch**

1. Quy trình lập, thẩm định và quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, xây dựng nội dung quy hoạch; gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan tham gia ý kiến;

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;

đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

g) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

h) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch báo cáo Chính phủ xem xét trình Quốc hội quyết định.

2. Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, xây dựng nội dung quy hoạch; gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan tham gia ý kiến;

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;

đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

e) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

g) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

3. Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan xây dựng đề xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; xây dựng nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

c) Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt.

4. Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch vùng thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, xây dựng nội dung quy hoạch; gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan và địa phương trong vùng tham gia ý kiến;

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan và địa phương trong vùng có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan xem xét, xử lý các vấn đề liên vùng, liên tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;

đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

e) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

g) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

5. Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch tỉnh thực hiện theo các bước sau đây:

a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng đề cương, dự toán quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, xây dựng nội dung quy hoạch; gửi cơ quan, tổ chức liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tham gia ý kiến đối với nội dung quy hoạch trong thời hạn 20 ngày, gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên xã nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;

đ) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

e) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện nội dung quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

g) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện nội dung quy hoạch theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

h) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

6. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch ngành cấp vùng; quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy trình của pháp luật có liên quan.

7. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm của các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này.

## **Điều 9. Đề cương lập quy hoạch**

1. Đề cương lập quy hoạch bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Căn cứ lập quy hoạch;
- b) Yêu cầu về nội dung quy hoạch;
- c) Thời gian lập quy hoạch;
- d) Trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc lập quy hoạch.

2. Thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh đề cương lập quy hoạch được quy định như sau:

a) Bộ trưởng tổ chức lập, phê duyệt đề cương lập quy hoạch của quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành cấp vùng thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, phê duyệt đề cương lập quy hoạch của quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý;

c) Quy hoạch cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

## **Điều 10. Chi phí cho hoạt động quy hoạch**

1. Chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Chi phí đánh giá thực hiện quy hoạch sử dụng nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## **Điều 11. Chính sách của nhà nước về hoạt động quy hoạch**

1. Nhà nước quản lý phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường theo quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt.

2. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích và huy động nguồn lực để thúc đẩy ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới, đẩy mạnh chuyển đổi số; phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt.

3. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ nguồn lực cho hoạt động quy hoạch bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch.

4. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ việc xây dựng, cập nhật, chia sẻ và khai thác thông tin và dữ liệu qua Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch.

5. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động quy hoạch.

6. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động

## **Điều 12. Quản lý nhà nước về quy hoạch**

1. Nội dung quản lý nhà nước về quy hoạch:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức chi phí, định mức kinh tế - kỹ thuật về quy hoạch; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về quy hoạch;

b) Tổ chức lập và thực hiện quy hoạch; xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình hành động thực hiện quy hoạch;

e) Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch;

h) Giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về quy hoạch; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động quy hoạch.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch trong phạm vi cả nước.

b) Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch.

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch ngành theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch.

d) Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch trong địa bàn do mình quản lý theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch.

## **Điều 13. Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch**

1. Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch nhằm bảo đảm hoạt động quy hoạch đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo đảm các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 4 của Luật này.

2. Các hoạt động hợp tác quốc tế chủ yếu trong hoạt động quy hoạch gồm chia sẻ kinh nghiệm, ứng dụng khoa học và công nghệ mới, đào tạo và thu hút nguồn nhân lực cho hoạt động quy hoạch.

3. Hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch phải phù hợp với đường lối và chính sách đối ngoại của Việt Nam; bảo đảm nguyên tắc hòa bình, hợp tác, hữu nghị cùng phát triển trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, cùng có lợi, tôn trọng pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

#### **Điều 14. Giám sát hoạt động quy hoạch**

1. Việc giám sát hoạt động quy hoạch của Quốc hội, Hội đồng nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Việc giám sát hoạt động quy hoạch của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về mặt trận Tổ quốc.

2. Việc giám sát hoạt động quy hoạch của tổ chức, cá nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở và pháp luật về tiếp cận thông tin.

#### **Điều 15. Kiểm tra hoạt động quy hoạch**

1. Thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra hoạt động quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh:

a) Chính phủ tổ chức kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng;

b) Thủ tướng Chính phủ tổ chức kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch ngành cấp quốc gia;

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch tỉnh.

d) Bộ trưởng có trách nhiệm kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch ngành; phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch tỉnh trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.

2. Căn cứ thực hiện kiểm tra hoạt động quy hoạch:

a) Kế hoạch kiểm tra hoạt động quy hoạch;

b) Phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật trong hoạt động quy hoạch;

b) Kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về hoạt động quy hoạch có dấu hiệu trái pháp luật;

c) Theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Việc kiến nghị, đề xuất các giải pháp xử lý khi phát hiện quy hoạch có nội dung mâu thuẫn với nhau hoặc có dấu hiệu trái pháp luật trong hoạt động quy

hoạch qua quá trình giám sát hoặc kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật này, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn việc kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

5. Việc kiểm tra hoạt động quy hoạch có liên quan đến quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

#### **Điều 16. Báo cáo về hoạt động quy hoạch**

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về hoạt động quy hoạch đến Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 10 để tổng hợp báo cáo Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Việc báo cáo về hoạt động quy hoạch liên quan đến quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

3. Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội về hoạt động quy hoạch theo định kỳ 05 năm.

#### **Điều 17. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong việc tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch**

1. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng có quyền tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch; cá nhân có quyền tham gia ý kiến về hoạt động quy hoạch theo quy định của Luật này, pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật về thực hiện dân chủ cơ sở.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn yêu cầu.

3. Cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh quy hoạch phải tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch; tạo điều kiện cho cá nhân tham gia ý kiến về hoạt động quy hoạch.

4. Ý kiến tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về hoạt động quy hoạch phải được nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 18. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch**

1. Lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch không phù hợp với quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn phản biện độc lập không đủ điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận hoặc trái với quy định của pháp luật.

3. Gây khó khăn, phiền hà, cản trở việc tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân theo quy định của pháp luật; Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả tham gia ý kiến của công dân.

4. Cố ý công bố, cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn việc công bố, cung cấp thông tin, trù trường hợp thông tin thuộc bí mật nhà nước; hủy hoại thông tin; làm giả, làm sai lệch thông tin quy hoạch.

5. Can thiệp bất hợp pháp, cản trở hoạt động quy hoạch.

## **Chương II**

### **LẬP QUY HOẠCH**

#### **Mục 1**

#### **TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH**

#### **Điều 19. Thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch**

1. Chính phủ tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia.

2. Thủ tướng Chính phủ tổ chức lập quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng thuộc phạm vi quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch cấp tỉnh.

5. Thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Chính phủ quy định cơ quan lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.

#### **Điều 20. Lập đồng thời các quy hoạch**

1. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp xã được phép lập đồng thời; quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt cao hơn phải được thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt trước quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt thấp hơn.

2. Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu trong trường hợp không yêu cầu lập quy hoạch chung theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông

thôn được phép lập đồng thời với quy hoạch tỉnh và phê duyệt sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

### **Điều 21. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch**

1. Cơ quan lập quy hoạch được phép lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải có tư cách pháp nhân và phải đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của Chính phủ.

3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch được phép lựa chọn đơn vị tư vấn nước ngoài để lập quy hoạch phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực.

### **Điều 22. Đánh giá môi trường chiến lược trong lập quy hoạch**

1. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn được quy định tại Điều 54 Luật này.

2. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược phải được lập, thẩm định đồng thời với quá trình lập, thẩm định quy hoạch.

3. Nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

### **Điều 23. Lấy ý kiến về quy hoạch**

1. Trách nhiệm lấy ý kiến về quy hoạch:

a) Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến đối với quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia; quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng;

b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch lấy ý kiến đối với quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tỉnh; quy hoạch ngành cấp vùng và cấp tỉnh;

c) Cơ quan lập quy hoạch cấp xã lấy ý kiến đối với quy hoạch sử dụng đất cấp xã và quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã.

2. Việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ, tài liệu bằng văn bản, đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch và hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

3. Đối với quy hoạch cấp xã, việc lấy ý kiến theo hình thức quy định tại khoản 2 Điều này và niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng; phát phiếu điều tra phỏng vấn; tổ chức hội nghị, hội thảo và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và pháp luật về tiếp cận thông tin.

4. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm:

- a) Công bố, công khai ý kiến góp ý, trừ các nội dung thuộc bí mật nhà nước;
- b) Tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp ý bằng văn bản, đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan lập quy hoạch, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia, trừ các nội dung thuộc bí mật nhà nước;
- c) Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch.

5. Chính phủ quy định chi tiết việc lấy ý kiến về từng loại quy hoạch.

## **Mục 2**

### **NỘI DUNG QUY HOẠCH**

#### **Điều 24. Căn cứ lập quy hoạch**

- 1. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trong cùng giai đoạn phát triển.
- 2. Quy hoạch cao hơn (nếu có).
- 3. Quy hoạch thời kỳ trước.
- 4. Căn cứ lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật liên quan.

#### **Điều 25. Yêu cầu về nội dung quy hoạch**

- 1. Bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.
- 2. Việc phân bổ phát triển không gian trong quá trình lập quy hoạch phải bảo đảm thống nhất giữa kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai và bảo vệ môi trường, dịch vụ hệ sinh thái.
- 3. Bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các cấp, các ngành và khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương gắn với tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4. Bảo đảm sự cân bằng giữa các yếu tố kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường trong quá trình lập quy hoạch.

5. Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em. Quá trình lập quy hoạch phải được kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm sinh kế bền vững của người dân trong khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.

6. Bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của cộng đồng; giữa lợi ích của các vùng, các địa phương.

7. Bảo đảm quyền tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong quá trình lập quy hoạch.

8. Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

9. Nội dung quy hoạch phải được luận chứng thông qua báo cáo thuyết minh quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ.

## **Điều 26. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia**

1. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia xác định việc phân bố và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường có tầm quan trọng cấp quốc gia, quốc tế và có tính liên vùng mang tính chiến lược trên lãnh thổ bao gồm đất liền, các đặc khu, vùng biển, vùng trời.

2. Quy hoạch tổng thể quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển quốc gia; phân tích, đánh giá các chủ trương, định hướng phát triển lớn tầm quốc gia; phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển;

b) Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;

c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;

d) Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;

đ) Định hướng tổ chức không gian phát triển; định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng quốc gia;

e) Định hướng phát triển không gian biển;

g) Định hướng sử dụng đất quốc gia đến từng đơn vị hành chính cấp vùng;

h) Định hướng phát triển vùng và liên kết vùng;

i) Định hướng phát triển hệ thống đô thị;

k) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng cấp quốc gia, bao gồm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội;

l) Định hướng sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

m) Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

### **Điều 27. Nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia**

1. Nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia xác định việc phân vùng chức năng, sắp xếp, phân bổ và tổ chức không gian các ngành, lĩnh vực trên vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.

2. Quy hoạch không gian biển quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng không gian của các hoạt động trên vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;

b) Xác định các vùng cấm khai thác, các vùng khai thác có điều kiện, khu vực khuyến khích phát triển, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái trong vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;

c) Dự báo xu thế biến động của tài nguyên và môi trường, các tác động của biến đổi khí hậu đối với tài nguyên và môi trường; nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và yêu cầu bảo vệ môi trường trong vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam trong thời kỳ quy hoạch;

d) Dự báo bối cảnh và các kịch bản phát triển; đánh giá các cơ hội và thách thức cho các hoạt động sử dụng không gian biển;

đ) Xác định các quan điểm và mục tiêu phát triển;

e) Định hướng bố trí sử dụng không gian các hoạt động trong vùng đất ven biển, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;

g) Phân vùng sử dụng vùng bờ, các đặc khu, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam;

h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia tại khoản 2 Điều này.

### **Điều 28. Nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia**

1. Nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia xác định việc phân bổ và tổ chức không gian sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực mang tính liên vùng, liên tỉnh.

2. Quy hoạch sử dụng đất quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực;

b) Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất;

c) Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch;

d) Định hướng sử dụng đất quốc gia, vùng kinh tế - xã hội, tầm nhìn sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

đ) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; trong đó xác định diện tích một số loại đất gồm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh;

e) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia tại khoản 2 Điều này.

### **Điều 29. Nội dung quy hoạch ngành cấp quốc gia**

1. Nội dung quy hoạch ngành cấp quốc gia xác định định hướng phát triển, phân bổ và tổ chức không gian, nguồn lực cho các ngành mang tính liên ngành, liên vùng, liên tỉnh.

2. Quy hoạch kết cấu hạ tầng cấp quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng quốc gia; thực trạng phân bổ, sử dụng không gian kết cấu hạ tầng quốc gia; phân tích, dự báo xu thế phát triển trong nước và quốc tế; phân tích, dự báo các nguồn lực phát triển;

b) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành; những cơ hội và thách thức phát triển của ngành kết cấu hạ tầng quốc gia;

c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;

d) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng trên phạm vi cả nước và các vùng, lãnh thổ;

đ) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển ngành kết cấu hạ tầng quốc gia và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia;

e) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

3. Quy hoạch sử dụng tài nguyên cấp quốc gia bao gồm những nội dung sau đây:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều tra, khảo sát, thăm dò hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên;

b) Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên;

c) Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường quốc gia và các quy hoạch có liên quan;

d) Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trong thời kỳ quy hoạch;

đ) Quan điểm, mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

e) Xác định khu vực cấm, khu vực hạn chế, khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên;

g) Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

4. Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh cấp quốc gia bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Định hướng sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh;

b) Xác định nhu cầu sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia;

c) Phân kỳ quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh cho từng kỳ kế hoạch 05 năm;

d) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

#### 5. Quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai quốc gia

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn lực; điều tra, khảo sát hiện trạng, đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước; hiện trạng phòng, chống thiên tai và thủy lợi trên địa bàn cả nước;

b) Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng chống thiên tai và thủy lợi;

c) Dự báo xu thế phát triển, các kịch bản phát triển, các tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi trong thời kỳ quy hoạch;

d) Đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, những cơ hội và thách thức đối với việc phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi;

đ) Quan điểm, mục tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

e) Xác định khu vực cấm, khu vực hạn chế, khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

g) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ;

h) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai và thủy lợi quốc gia;

i) Định hướng bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;

k) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

#### 6. Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, nguồn lực; điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng rừng và nguồn lợi thủy sản; diễn biến đa dạng sinh học, tình hình quản lý bảo tồn đa dạng sinh học;

b) Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng rừng và nguồn lợi thủy sản đến môi trường, hệ sinh thái và đa dạng sinh học;

c) Phân tích, đánh giá các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan;

d) Dự báo tác động của tiến bộ khoa học - công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội đến bảo vệ, khai thác, sử dụng rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học trong thời kỳ quy hoạch;

đ) Quan điểm, mục tiêu bảo vệ, khai thác, sử dụng rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học.

e) Xác định khu vực cấm, khu vực hạn chế và khu vực khuyến khích khai thác, sử dụng rừng và nguồn lợi thủy sản; khoanh vùng các khu bảo tồn, khu vực đa dạng sinh học cao, cảnh quan sinh thái quan trọng, khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học và cơ sở bảo tồn;

g) Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

7. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 3, 4, 4a, 5 và 6 Điều này.

### **Điều 30. Nội dung quy hoạch vùng**

1. Nội dung quy hoạch vùng xác định định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường có tính liên ngành, liên vùng và liên tỉnh.

2. Quy hoạch vùng bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển vùng; phân tích, dự báo nguồn lực đặc thù của vùng, xu thế phát triển trong nước và quốc tế tác động đến phát triển của vùng; phân tích, đánh giá các chính sách và định hướng phát triển của Đảng và nhà nước tác động đến vùng;

b) Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;

c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;

d) Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;

đ) Định hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng; định hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của vùng;

e) Định hướng phát triển hệ thống đô thị vùng;

g) Định hướng phát triển các khu chức năng và các khu vực khác;

h) Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của vùng;

i) Định hướng bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng;

k) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

### **Điều 31. Nội dung quy hoạch tỉnh**

1. 1. Nội dung quy hoạch tỉnh cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng trên địa bàn tỉnh; định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên xã và định hướng bố trí trên địa bàn cấp xã.

2. Quy hoạch tỉnh bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian ngầm; hiện trạng sử dụng đất; môi trường; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học;

b) Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;

c) Quan điểm, mục tiêu phát triển;

d) Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;

đ) Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực;

e) Phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD);

g) Phương hướng phát triển các khu chức năng; phương hướng phát triển cụm công nghiệp, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương hướng phát triển địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

h) Phương hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, bao gồm mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp điện, cơ sở hạ tầng viễn thông, công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước, khu xử lý chất thải, nghĩa trang, hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và hạ tầng kỹ thuật khác;

i) Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, hạ tầng các cơ sở trợ giúp xã hội và hạ tầng xã hội khác;

ì) Định hướng phát triển không gian ngầm (nếu có);

k) Định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;

n) Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn;

o) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

**Chương III**  
**THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH HOẶC PHÊ DUYỆT, CÔNG BỐ**  
**VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN QUY HOẠCH**

**Mục 1**  
**THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH**

**Điều 32. Thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch**

1. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.

2. Bộ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch ngành cấp quốc gia và quy hoạch ngành cấp vùng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch để thẩm định quy hoạch cấp tỉnh.

4. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh tổ chức thẩm định quy hoạch sử dụng đất cấp xã; Cơ quan có chức năng quản lý về đô thị và nông thôn cấp tỉnh tổ chức thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn cấp xã.

5. Chính phủ quy định chi tiết về thành phần và hoạt động của Hội đồng thẩm định quy hoạch thuộc khoản 1, 2 và 3 Điều này.

**Điều 33. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch**

1. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

a) Tờ trình;

b) Báo cáo thuyết minh quy hoạch;

c) Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;

d) Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch;

đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

e) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

2. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng hồ sơ trình thẩm định quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

### **Điều 34. Nội dung thẩm định quy hoạch**

1. Đối với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, nội dung thẩm định quy hoạch tập trung vào các vấn đề sau đây:

- a) Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 8 của Luật này;
- b) Sự thống nhất, đồng bộ với quy hoạch có liên quan;
- c) Sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Mục 2 Chương II của Luật này.

2. Đối với quy hoạch quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã, nội dung thẩm định bao gồm nội dung được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

## **Mục 2**

### **QUYẾT ĐỊNH HOẶC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH**

### **Điều 35. Thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch**

- 1. Quốc hội quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia.
- 2. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.
- 3. Bộ trưởng phê duyệt quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng.
- 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch cấp tỉnh.
- 5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch chung xã; quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đối với quy hoạch có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.
- 6. Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trong phạm vi địa giới đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

### **Điều 36. Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch**

1. Hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh bao gồm:

- a) Tờ trình;
- b) Báo cáo thuyết minh quy hoạch;
- c) Dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch;

d) Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về quy hoạch;

đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

e) Báo cáo thẩm định quy hoạch;

g) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

h) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

2. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh, quy hoạch cấp xã được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 37. Trình tự, thủ tục quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia**

1. Chậm nhất là 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi hồ sơ trình quyết định quy hoạch đến cơ quan của Quốc hội để thẩm tra.

2. Cơ quan thẩm tra có quyền yêu cầu Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về những vấn đề thuộc nội dung quy hoạch. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra.

3. Nội dung thẩm tra tập trung vào các vấn đề sau đây:

a) Sự phù hợp của nội dung quy hoạch với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, hợp pháp; tính thống nhất trong hệ thống quy hoạch; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Sự phù hợp của quy hoạch với quy định tại Mục 2 Chương II của Luật này;

c) Tính khả thi của quy hoạch và điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để thực hiện quy hoạch.

4. Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về quy hoạch tổng thể quốc gia.

### **Điều 38. Nội dung quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch**

Nội dung quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m khoản 2 Điều 26, các đ, e, g, h, i, k, l, m khoản 2 Điều 27, các điểm c, d, đ, e khoản 2 Điều 28, các điểm c, d, đ, e khoản 2, các điểm đ, e, g, h khoản 3, khoản 4, các điểm đ, e, g, h, i, k khoản 5 và các khoản đ, e, g, h khoản 6 Điều 29 của Luật này tương ứng với từng loại quy hoạch.

### **Mục 3**

## **CÔNG BỐ VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN QUY HOẠCH**

### **Điều 39. Yêu cầu đối với công bố quy hoạch**

1. Quy hoạch phải được công bố công khai sau khi được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Việc công bố quy hoạch phải tuân thủ các nguyên tắc:

a) Công bố kịp thời, đầy đủ, thuận tiện, bảo đảm tiếp cận cho tổ chức, cá nhân;

b) Được xác thực, bảo đảm toàn vẹn và an toàn thông tin trên môi trường số;

c) Đồng bộ với Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch.

### **Điều 40. Trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch**

1. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch cấp xã.

### **Điều 41. Hình thức công bố quy hoạch**

1. Đăng tải toàn văn quy hoạch và các tài liệu liên quan trên:

a) Công báo điện tử quốc gia hoặc công báo điện tử cấp tỉnh theo thẩm quyền;

b) Trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch.

2. Trưng bày hệ thống bản đồ, sơ đồ, dữ liệu tại cơ quan lập quy hoạch hoặc nơi công cộng tại khu vực có quy hoạch.

3. Tổ chức hội nghị, hội thảo;

4. Phát hành ấn phẩm.

5. Các hình thức khác bảo đảm thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin quy hoạch.

6. Quy hoạch quy hoạch ngành cấp vùng; quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được công bố theo các hình thức của Luật này và pháp luật có liên quan.

7. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

## **Điều 42. Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch**

1. Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch được xây dựng, vận hành thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quy hoạch, phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ số.

2. Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch bao gồm các thành phần cơ bản sau đây:

- a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin;
- b) Phần mềm của Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;
- c) Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

3. Trách nhiệm của xây dựng hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch quy định như sau:

a) Bộ Tài chính tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường cung cấp cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và được cập nhật thường xuyên để tạo dữ liệu khung cho hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch;

4. Chính phủ quy định chi tiết việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch.

## **Điều 43. Cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch**

1. Các thành phần của cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch cấp xã.

b) Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên.

c) Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến quy hoạch.

2. Chính phủ quy định chi tiết xây dựng, quản lý, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

## **Điều 44. Cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân**

1. Thông tin về quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt phải được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu theo quy định của Luật này, pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật về thực

hiện dân chủ cơ sở, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

## 2. Trách nhiệm cung cấp thông tin quy hoạch

a) Cơ quan lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng.

b) Bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch ngành cấp quốc gia và quy hoạch ngành cấp vùng thuộc thẩm quyền tổ chức lập hoặc phê duyệt.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch cấp tỉnh.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch cấp xã.

3. Hình thức cung cấp thông tin quy hoạch quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch cấp xã:

a) Cung cấp bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

b) Cung cấp qua hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch; trang thông tin điện tử và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 41 của Luật này.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp thông tin quy hoạch theo quy định tại Điều này.

## **Chương IV** **THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

### **Điều 45. Chương trình hành động thực hiện quy hoạch**

1. Chương trình hành động thực hiện quy hoạch được ban hành sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt.

2. Thẩm quyền ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch:

a) Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia.

b) Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng;

c) Bộ trưởng ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch ngành cấp quốc gia;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chương trình hành động thực hiện quy hoạch tỉnh.

3. Khi kết thúc thời kỳ quy hoạch mà quy hoạch thời kỳ tiếp theo chưa được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt thì được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch thời kỳ tiếp theo được quyết định hoặc phê duyệt.

4. Chính phủ quy định nội dung và trình tự, thủ tục ban hành, điều chỉnh chương trình hành động thực hiện quy hoạch.

#### **Điều 46. Quản lý thực hiện quy hoạch**

1. Việc lập kế hoạch sử dụng đất, quản lý, phát triển và sử dụng đất phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch có liên quan quy định tại Điều .. và Phụ lục ban hành kèm theo Luật này.

2. Việc triển khai các chương trình, dự án phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, ngành, vùng, địa phương và mục tiêu, định hướng đã được xác định tại quy hoạch có liên quan (nếu có).

3. Việc ban hành các quy định quản lý theo ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật có liên quan phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này.

#### **Điều 47. Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch**

1. Nguyên tắc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch:

a) Dự án của ngành, lĩnh vực nào thì căn cứ vào quy hoạch liên quan đến ngành, lĩnh vực đó để đánh giá sự phù hợp của dự án.

b) Dự án có phạm vi cấp quốc gia, liên vùng thì căn cứ vào quy hoạch cấp quốc gia có liên quan để đánh giá sự phù hợp của dự án.

c) Dự án có phạm vi cấp vùng, liên tỉnh thì căn cứ vào quy hoạch cấp vùng có liên quan để đánh giá sự phù hợp của dự án.

d) Dự án có phạm vi cấp tỉnh, liên xã thì căn cứ vào quy hoạch cấp tỉnh có liên quan để đánh giá sự phù hợp của dự án.

đ) Dự án có phạm vi trên địa bàn một xã thì căn cứ vào quy hoạch cấp xã có liên quan để đánh giá sự phù hợp của dự án.

c) Đối với dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng: đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch về mục tiêu, dự kiến vị trí, cấp, loại hoặc hạng công trình, quy mô dự án.

d) Đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư: đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch về mục tiêu, dự kiến vị trí của dự án.

2. Quy hoạch được sử dụng làm căn cứ đánh giá sự phù hợp của chủ trương đầu tư dự án tuân thủ nguyên tắc và quy định như sau:

a) Đối với dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên của quốc gia, vùng, liên tỉnh: quy hoạch ngành cấp quốc gia hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cấp quốc gia có liên quan đến;

b) Đối với dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh: quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Đối với dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cấp tỉnh: quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cấp tỉnh có liên quan;

d) Đối với dự án đầu tư có liên quan đến phát triển đô thị hoặc nhà ở: dự án có phạm vi liên tỉnh thì căn cứ quy hoạch vùng; dự án có phạm vi trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì căn cứ quy hoạch tỉnh; dự án có phạm vi trong một xã thì căn cứ quy hoạch xã; dự án đã có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của khu vực dự án đã được phê duyệt thì căn cứ vào quy hoạch tương ứng.

đ) Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật của đô thị, khu chức năng: quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu của đô thị, hoặc quy hoạch chung, quy hoạch phân khu của khu chức năng.

e) Đối với dự án được đầu tư xây dựng tại khu vực không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết đô thị theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn: thiết kế đô thị riêng hoặc quy chế quản lý kiến trúc là cơ sở đánh giá;

g) Đối với dự án đầu tư xây dựng sửa chữa, cải tạo giữ nguyên quy mô, chức năng hiện hữu của các công trình xây dựng thì không yêu cầu đánh giá sự phù hợp với quy hoạch;

k) Đối với các dự án khác: quy hoạch chi tiết của khu vực đô thị hoặc nông thôn có liên quan.

3. Quy hoạch được sử dụng làm căn cứ đánh giá sự phù hợp của quyết định đầu tư dự án bao gồm quy hoạch được quy định tại khoản 3 Điều này hoặc quy hoạch chi tiết của khu vực đô thị hoặc nông thôn có liên quan đến dự án.

4 Đánh giá sự phù hợp của vị trí dự kiến của dự án với quy hoạch:

a) Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch quy hoạch vùng, đánh giá sự phù hợp vị trí dự kiến của dự án với định hướng bố trí công trình kết cấu hạ tầng, khu vực khai thác sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.

b) Đối với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cấp quốc gia, đánh giá sự phù hợp vị trí dự kiến của dự án với định hướng bố trí công trình kết cấu hạ tầng, khu vực khai thác sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đến đơn vị hành chính cấp tỉnh đối với quy hoạch có phạm vi liên vùng, liên tỉnh, đến đơn vị hành chính cấp xã đối với quy hoạch có phạm vi trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đến phạm vi ranh giới khu vực phát triển được xác định trong quy hoạch đối với quy hoạch được lập cho một khu chức năng.

c) Đối với quy hoạch cấp tỉnh, đánh giá sự phù hợp vị trí dự kiến của dự án với định hướng bố trí công trình kết cấu hạ tầng, khu vực khai thác sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đến đơn vị hành chính cấp xã.

d) Đối với quy hoạch cấp xã, đánh giá sự phù hợp vị trí dự kiến của dự án với phạm vi ranh giới khu vực phát triển có liên quan đã được xác định trong quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp xã.

đ) Đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư chưa được xác định cụ thể trong quy hoạch có liên quan, vị trí dự án được đánh giá là phù hợp với quy hoạch khi bảo đảm không chồng lấn với khu chức năng, cụm công nghiệp, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình ngầm, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn đa dạng sinh học đã được xác định trong quy hoạch.

e) Đánh giá sự phù hợp của ranh giới khu vực dự án đối với quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1:500 của quy hoạch đô thị và nông thôn chỉ thực hiện đối với thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án đầu tư.

#### **Điều 48. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch**

1. Quy hoạch được đánh giá thực hiện theo định kỳ 05 năm hoặc đột xuất.

2. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch được quy định như sau:

a) Cơ quan lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng;

b) Bộ chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá thực hiện quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch ngành cấp vùng thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan có liên quan đánh giá thực hiện quy hoạch cấp tỉnh;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá thực hiện quy hoạch cấp xã;

4. Cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch có trách nhiệm đăng tải báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch lên hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch

5. Chính phủ quy định tiêu chí đánh giá thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

Tiêu chí đánh giá thực hiện quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh, quy hoạch cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 49. Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch**

Nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch được thể hiện bằng báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch và bao gồm những nội dung sau:

1. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch hoặc so với mức đạt được của kỳ trước.

2. Xác định yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quy hoạch; **kiến nghị điều chỉnh quy hoạch (nếu có).**

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

### **Chương V ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH**

#### **Điều 50. Thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch**

1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

2. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch.

#### **Điều 51. Nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch**

**1. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng, quy hoạch cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp xã được phép điều chỉnh đồng thời; quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt cao hơn phải được thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt trước quy hoạch có thẩm quyền phê duyệt thấp hơn.**

**Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu trong trường hợp không yêu cầu lập quy hoạch chung theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn được phép điều chỉnh đồng thời với quy hoạch tỉnh và phê duyệt sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt..**

**2. Các quy hoạch được phép điều chỉnh đồng thời.**

3. Việc điều chỉnh quy hoạch phải bảo đảm tuân thủ quy định về mối quan hệ giữa các quy hoạch tại Điều 6 và nội dung quy hoạch tại Mục II Chương II Luật này.

4. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong quy hoạch những nội dung được điều chỉnh và công bố theo quy định của Luật này.

5. Việc điều chỉnh quy hoạch cấp xã và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan.

### **Điều 52. Căn cứ điều chỉnh quy hoạch**

1. Việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Có sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch;

b) Có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, quy mô không gian lãnh thổ của quy hoạch;

c) Do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, chiến tranh làm thay đổi mục tiêu, định hướng, tổ chức không gian lãnh thổ của quy hoạch;

d) Do biến động bất thường của tình hình kinh tế - xã hội làm hạn chế nguồn lực thực hiện quy hoạch;

đ) Do sự phát triển của khoa học, công nghệ làm thay đổi cơ bản việc thực hiện quy hoạch;

e) Do yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Căn cứ điều chỉnh quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

### **Điều 53. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch**

1. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia; quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh:

a) Cơ quan lập quy hoạch căn cứ khoản 1 Điều 52 xây dựng đề cương, dự toán điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn theo quy định tại Điều ...; xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, bao gồm báo cáo điều chỉnh quy hoạch, dự thảo văn bản quyết định điều chỉnh quy hoạch, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch; gửi xin ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

c) Các cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo quy định tại Điều 23 của Luật này;

d) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình thẩm định theo quy định tại Điều 32 Luật này;

đ) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định tại Điều 32 Luật này.

Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định tổ chức thẩm định theo hình thức tổ chức phiên họp của Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

e) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch theo quy định tại Điều 50 Luật này xem xét, quyết định điều chỉnh quy hoạch.

2. Việc điều chỉnh quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã được thực hiện theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xem xét, điều chỉnh quy hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 54. Điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn**

1. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được điều chỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Việc thực hiện nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ về bảo đảm quốc phòng, an ninh, sắp xếp đơn vị hành chính, dự án quan trọng quốc gia làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch;

b) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cao hơn;

c) Quy hoạch có mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp;

d) Việc thực hiện dự án khẩn cấp, nhiệm vụ cấp bách làm thay đổi một hoặc một số nội dung quy hoạch theo quy định của Chính phủ;

đ) Thuộc trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách vì lý do quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ;

e) Cần điều chỉnh quy hoạch để kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch xây dựng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, gửi xin ý kiến của các cơ quan có liên quan; tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

3. Thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch được quy định như sau:

a) Quốc hội quyết định điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia;

b) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia;

b) Bộ trưởng được giao tổ chức lập quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng;

4. Việc điều chỉnh quy hoạch ngành cấp vùng, quy hoạch ngành cấp tỉnh và quy hoạch cấp xã theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xem xét, quyết định điều chỉnh theo quy định của Điều này.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này; quy định hồ sơ điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 55. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2025, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Luật Quy hoạch số 21/2017/QH15 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 56. Quy định chuyển tiếp về việc lập, thẩm định, quyết định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch**

1. Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 và điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời

kỳ 2021-2030 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ các quy hoạch được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, được tiếp tục thực hiện cho đến hết thời kỳ quy hoạch hoặc cho đến khi được thay thế theo quy định của pháp luật. Trường hợp quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch đã tổ chức thẩm định nhưng chưa được quyết định hoặc phê duyệt thì thực hiện quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này.

2. Các quy hoạch từ số thứ tự 7, 11, 15, 18, 20, 26, 29, 37 tại Phụ lục 1 và các quy hoạch số thứ tự 2, 4, 5, 6, 10, 13, 14, 16, 17, 20, 21, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 37, 38 Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi được thay thế theo quy định của pháp luật có liên quan. (đối với quy hoạch bỏ)

3. Các quy hoạch số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 12, 14, 16, 17, 19, 22, 28, 30, 33, 34 và 39 tại Phụ lục 1 và các quy hoạch số thứ tự 1, 3, 7, 8 và 9 Phụ lục 2 của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 15/2023/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi được thay thế bằng các quy hoạch từ số thứ tự 1, 4, 5, 9, 10, 11, 21, 22 tại Phụ lục của Luật này. (đối với quy hoạch bị sửa tên)

4. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn của quy hoạch hoặc cho đến khi được điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định của pháp luật.

Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành được điều chỉnh đồng thời với quy hoạch quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trước ngày Luật này có hiệu lực nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt thực hiện như sau:

a) Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang thực hiện điều chỉnh nhưng chưa được quyết định hoặc phê duyệt thì thực hiện phê duyệt theo quy định của Luật này;

b) Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, trừ trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này thì thực hiện điều chỉnh theo quy định tại Điều 53 của Luật này trên cơ sở quy hoạch của đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sáp nhập và không phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.

6. Kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện cho đến khi quy hoạch được phê duyệt điều chỉnh theo quy định của Luật này.

**Điều 57. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của các luật có liên quan đến quy hoạch**

1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của Luật.....
2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của Luật....
3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của Luật....

.....

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa..., Kỳ họp thứ...thông qua ngày...tháng...năm....

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Trần Thanh Mẫn**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC QUY HOẠCH NGÀNH**

*(Ban hành kèm theo Luật Quy hoạch số ..../2025/QH15)*

| TT         | Tên quy hoạch ngành                                                         | Văn bản quy định | Tên quy hoạch cụ thể hóa                    |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>CẤP QUỐC GIA</b>                                                         |                  |                                             |
| <b>1.1</b> | <b>Kết cấu hạ tầng</b>                                                      |                  |                                             |
| 1          | Quy hoạch hệ thống giao thông                                               | Luật Quy hoạch   | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 2          | Quy hoạch phát triển điện lực                                               | Luật Quy hoạch   | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 3          | Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt                        | Luật Quy hoạch   | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 4          | Quy hoạch tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi               | Luật Quy hoạch   | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 5          | Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập                      | Luật Quy hoạch   | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 6          | Quy hoạch hệ thống du lịch                                                  | Luật Quy hoạch   | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 7          | Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông                                 | Luật Quy hoạch   | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 8          | Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập                  | Luật Quy hoạch   | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 9          | Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập | Luật Quy hoạch   | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |

|            |                                                                                     |                |                                             |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------|
| 10         | Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập                                  | Luật Quy hoạch | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 11         | Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế công lập                                             | Luật Quy hoạch | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 12         | Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược             | Luật Quy hoạch | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 13         | Quy hoạch công nghiệp quốc phòng.                                                   | Luật Quy hoạch | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 14         | Quy hoạch công nghiệp an ninh.                                                      | Luật Quy hoạch | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 15         | Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy                                           | Luật Quy hoạch | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 16         | Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia                                     | Luật Quy hoạch | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| <b>1.2</b> | <b>Tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học</b>                                       |                |                                             |
| 17         | Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng                                                    | Luật Quy hoạch | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 18         | Quy hoạch sử dụng đất an ninh                                                       | Luật Quy hoạch | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 19         | Quy hoạch khoáng sản nhóm I                                                         | Luật Quy hoạch | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 20         | Quy hoạch khoáng sản nhóm II                                                        | Luật Quy hoạch | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |
| 21         | Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, nguồn lợi thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học | Luật Quy hoạch | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng |

|            |                                                                                            |                                              |                                                                         |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 22         | Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia                                       | Luật Quy hoạch                               | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng                             |
| 23         | Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá                           | Luật Quy hoạch                               | Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng                             |
| <b>II</b>  | <b>CẤP VÙNG</b>                                                                            |                                              |                                                                         |
| <b>2.1</b> | <b>Kết cấu hạ tầng</b>                                                                     |                                              |                                                                         |
| 24         | Quy hoạch tuyến, ga đường sắt                                                              | Luật Đường sắt                               | Quy hoạch hệ thống giao thông                                           |
| 25         | Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ của tuyến đường bộ liên tỉnh                            | Luật Giao thông đường bộ                     |                                                                         |
| 26         | Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển                                | Bộ luật Hàng hải                             |                                                                         |
| 27         | Quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay                                                | Luật Hàng không dân dụng Việt Nam            |                                                                         |
| 28         | Quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê                                  | Luật Đê điều;<br>Luật Phòng, chống thiên tai | Quy hoạch tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi           |
| 29         | Quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh              | Luật Tài nguyên nước;<br>Luật Thủy lợi       | Quy hoạch tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và thủy lợi           |
| 30         | Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của di sản thế giới; di tích quốc gia đặc biệt | Luật Di sản văn hóa                          | Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập                  |
| 31         | Quy hoạch các công trình quốc phòng, khu quân sự                                           | Luật Quốc phòng                              | Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược |
| <b>2.2</b> | <b>Đô thị và nông thôn</b>                                                                 |                                              |                                                                         |

|            |                                                                                                                     |                                    |                                                                         |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 32         | Quy hoạch khu chức năng thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, khu chức năng có phạm vi liên tỉnh          | Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn | Quy hoạch hệ thống du lịch đối với khu du lịch quốc gia; Quy hoạch vùng |
| <b>III</b> | <b>CẤP TỈNH</b>                                                                                                     |                                    |                                                                         |
| <b>3.1</b> | <b>Tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học</b>                                                                       |                                    |                                                                         |
| 33         | Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh                                                                                      | Luật Đất đai                       | Quy hoạch sử dụng đất quốc gia                                          |
| <b>3.2</b> | <b>Kết cấu hạ tầng</b>                                                                                              |                                    |                                                                         |
| 34         | Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh | Luật Di sản văn hóa                | Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao công lập; quy hoạch tỉnh  |
| <b>3.3</b> | <b>Đô thị và nông thôn</b>                                                                                          |                                    |                                                                         |
| 35         | Quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương                                                                     | Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn | Quy hoạch tỉnh                                                          |
| 36         | Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật của thành phố trực thuộc trung ương                                         | Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn | Quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương                         |
| 37         | Quy hoạch khu chức năng thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh                                                          | Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn | Quy hoạch tỉnh                                                          |
| 38         | Quy hoạch khu vực phát triển đô thị có phạm vi liên xã                                                              | Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn | Quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương         |
| <b>IV</b>  | <b>CẤP XÃ</b>                                                                                                       |                                    |                                                                         |
| <b>4.1</b> | <b>Tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học</b>                                                                       |                                    |                                                                         |
| 39         | Quy hoạch sử dụng đất cấp xã                                                                                        | Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn | Quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh                          |
| <b>4.2</b> | <b>Đô thị và nông thôn</b>                                                                                          |                                    |                                                                         |

|    |                                                                                     |                                    |                                                                 |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 40 | Quy hoạch chung xã                                                                  | Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn | Quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương |
| 41 | Quy hoạch khu vực phát triển đô thị, nông thôn có phạm vi trên địa bàn 1 phường, xã | Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn | Quy hoạch chung xã, quy hoạch sử dụng đất cấp xã                |